

**TÒA ÁNNHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HS-ST
Ngày 18 -5 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hạnh

Ông Hà Minh Giám

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Phan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2023/TLST- HS ngày 27 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29a/2023/QĐXXST - HS ngày 08 tháng 5 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị M, sinh ngày 26/01/1987; nơi cư trú: Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn C và bà Đinh Thị L; có chồng là Đinh Văn N và 03 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Đinh Văn N, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Người làm chứng: Ông Đinh Văn C, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 22/12/2022, Nguyễn Thị M ở nhà tại thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc thì có 02 người nam giới tự xưng là

Nguyễn Văn T, sinh năm 1983 và Nguyễn Văn T1, sinh năm 1990 đều trú tại thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc đến mua số lô, số đề của M. M đồng ý và thỏa thuận bán số lô với giá 22.500đ/01 điểm. T bảo M ghi cho T số lô gồm: 27, 72, 62 mỗi số 50 điểm = 3.375.000đ, số đề 27, 72 mỗi số 60.000đ = 120.000đ. Tổng số tiền T mua số lô, số đề của M là 3.495.000đ. T trả cho M số tiền 3.495.000đ, M cầm tiền cất vào túi áo rồi ghi các số lô, số đề trên vào tờ giấy đã chuẩn bị từ trước. Sau đó, Nguyễn Văn T1 bảo M ghi cho T1 số lô gồm: 14, 41 mỗi số 40 điểm = 1.800.000đ; số đề 14, 41 mỗi số 60.000đ = 120.000đ. Tổng số tiền T1 mua số lô, số đề của M là 1.920.000đ. T1 trả cho M số tiền 1.920.000đ, M cầm tiền cất vào túi áo rồi ghi các số lô, số đề trên vào tờ giấy đã chuẩn bị từ trước. Khi M vừa cất tiền xong thì bị cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện và bắt quả tang. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã thu giữ trong túi áo trên người M số tiền 5.655.000đ, thu giữ tại hiện trường 01 bàn nhựa, 02 ghế nhựa màu xanh đã qua sử dụng, 01 bút bi mực màu đen, 01 máy tính cầm tay nhãn hiệu Casio và 01 tờ giấy có ghi các số lô, số đề.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị M khai nhận: Trước khi ghi số lô, số đề cho Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1, vào khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, có 03 người nam giới không rõ tên, tuổi, địa chỉ đến hỏi mua số lô, số đề của M. Một người nam giới khoảng 50 tuổi bảo M ghi đây số đề “chẵn lẻ” gồm các số 01, 03, 05, 07, 09, 21, 23, 25, 27, 29, 41, 43, 45, 47, 49, 61, 63, 65, 67, 69, 81, 83, 85, 87, 89 mỗi số 2.000đ = 50.000đ; ghi số lô 04, 40 mỗi số 10 điểm = 450.000đ; số đề 14, 41, 19, 91 mỗi số 20.000đ = 80.000đ, số đề 55 = 50.000đ. Tổng số tiền người này mua số lô, số đề của M là 630.000đ và đã trả đủ tiền cho M, M cầm 630.000đ cất vào túi áo rồi ghi các số lô, số đề trên vào tờ giấy đã chuẩn bị từ trước. Sau đó có một người nam giới khác khoảng 40 tuổi bảo M ghi số lô 40 x 05 điểm = 112.500đ, lô xiên 40, 42 = 50.000đ, số đề 90 = 30.000đ. Tổng số tiền người này mua số lô, số đề của M là 191.500đ nhưng M tính tròn là 190.000đ và đã trả cho M số tiền 190.000đ, M cầm 190.000đ cất vào túi áo rồi ghi các số lô, số đề trên vào tờ giấy đã chuẩn bị từ trước. Tiếp sau đó, có một người nam giới khác đến bảo M ghi số lô 67, 76 mỗi số 03 điểm = 135.000đ; số đề 27, 72 mỗi số 6.000đ = 12.000đ. Tổng số tiền người nam giới này mua số lô, số đề của M là 147.000đ và đã trả đủ tiền cho M, M cầm 147.000đ cất vào túi áo rồi ghi các số lô, số đề trên vào tờ giấy đã chuẩn bị từ trước. Sau khi bán số lô, số đề cho 03 người nam giới trên, M đưa cho chồng M là anh Đinh Văn N số tiền 727.000đ để mua vật liệu xây dựng nhà. Như vậy, xác định trong ngày 22/12/2022, M đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề cho 03 người nam giới không rõ danh tính và 02 người nam giới tự khai là Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1 với tổng số tiền đánh bạc là 6.383.500đ.

Quá trình điều tra xác định, Nguyễn Thị M không là đại lý của Công ty TNHH một thành viên xổ số kiến thiết tỉnh Vĩnh Phúc; M là người trực tiếp bán số lô, số đề

không chuyển bảng hoặc ghi giúp ai để hưởng phần trăm từ việc bán số lô, số đề. M trực tiếp đối chiếu kết quả trả thưởng cho những người trúng thưởng. Mức độ thắng thua như sau: Lô 22.500đ/01 điểm, nếu thắng được người bán số lô trả 80.000đ/01 điểm; Số đề nếu trúng người bán số đề phải trả cho người mua gấp 70 lần số tiền người mua đã đánh. Căn cứ vào kết quả mở thưởng xổ số miền bắc vào lúc 18 giờ 30 phút cùng ngày để xác định trúng hay trượt. Nếu đánh lô thì căn cứ vào các giải trúng thưởng, lấy 02 số cuối cùng của các giải trúng thưởng so sánh với các số lô đã đánh, nếu trùng thì trúng; nếu đánh đề thì lấy 02 số cuối của giải đặc biệt so sánh với các số đề đã đánh, nếu trùng thì trúng.

Quá trình điều tra xác định tại tờ giấy thu giữ của Nguyễn Thị M thể hiện các số lô, số đề M đã ghi cho các đối tượng ngày 22/12/2022 phù hợp với lời khai của M và lời khai ban đầu của 02 đối tượng tự khai là Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1.

Đối với 03 người nam giới không biết tên, địa chỉ đã mua số lô, số đề của M vào ngày 22/12/2022, quá trình điều tra không xác định được danh tính nên không có cơ sở để điều tra xử lý.

Đối với 02 người nam giới tự khai tên Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1 mua số lô, số đề của M, quá trình bắt quả tang T và T1 khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên nhưng T và T1 khai không đúng tên tuổi, địa chỉ; quá trình điều tra chưa làm rõ được danh tính. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ xử lý sau.

Đối với anh Đinh Văn N là chồng của M, quá trình điều tra xác định anh N không biết M bán số lô, số đề tại nhà. Ngày 22/12/2022 khi M đưa cho anh N số tiền 727.000đ để mua vật liệu xây dựng, anh N không biết nguồn gốc số tiền đó do M bán số lô, số đề mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp. Ngày 07/4/2023, M đã tự nguyện giao nộp số tiền 727.000đ cho cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T.

Tại Cáo trạng số: 33/CT- VKSTD ngày 27/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Nguyễn Thị M về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội "Đánh bạc"; áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, tài sản.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và

Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 6.382.000đồng. Tịch thu bán phát mại sung ngân sách Nhà nước 01 bàn nhựa, 02 ghế nhựa màu xanh đã cũ, 01 bút bi mực màu đen, 01 máy tính cầm tay nhãn hiệu Casio. Đối với 01 tờ giấy có dòng kẻ, ghi số lô, số đề của Nguyễn Thị M được đánh số bút lục, là tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của M, đề nghị lưu trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn hối hận về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị M đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ khẳng định: Trong khoảng thời gian từ 15 giờ 30 phút đến 17 giờ 30 phút, ngày 22/12/2022 tại nhà Nguyễn Thị M ở thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Thị M đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề cho 03 người nam giới không rõ tên tuổi và 02 người nam giới tự xưng là Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1 với tổng số tiền là 6.383.500đồng thì bị Công an tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện bắt quả tang.

[3] Hành vi nêu trên của Nguyễn Thị M đã phạm tội "Đánh bạc". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định: *“Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng ...thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”*

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý của nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị

cáo vẫn thực hiện để kiểm lời. Do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; ngoài ra gia đình bị cáo có nhiều người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng danh hiệu, huy chương nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Sau khi xem xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, nên chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ý thức chấp hành pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*". Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, tài sản, vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Đối với 03 người nam giới không biết tên, địa chỉ đã mua số lô, số đề của Nguyễn Thị M vào ngày 22/12/2022, quá trình điều tra không xác định được danh tính nên không có cơ sở để điều tra xử lý.

Đối với 02 người nam giới tự xưng là Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1 mua số lô, số đề của M, quá trình bắt quả tang T và T1 khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên nhưng T và T1 khai không đúng tên tuổi, địa chỉ; quá trình điều tra chưa làm rõ được danh tính. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ xử lý sau.

Đối với anh Đinh Văn N là chồng của M, quá trình điều tra xác định anh N không biết M bán số lô, số đề tại nhà, ngày 22/12/2022 khi M đưa cho anh N số tiền 727.000đ để mua vật liệu xây dựng, anh N không biết nguồn gốc số tiền đó do M bán số lô, số đề mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 6.382.000đồng thu giữ của Nguyễn Thị M, quá trình điều tra xác định đây là số tiền Nguyễn Thị M có được từ việc bán số lô, số đề nên cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 bàn nhựa, 02 ghế nhựa màu xanh đã cũ, 01 bút bi mực màu đen, 01 máy tính cầm tay nhãn hiệu Casio. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của Nguyễn Thị M, được M sử dụng phục vụ vào việc đánh bạc, cần tịch thu, bán phát mại nộp ngân sách nhà nước.

01 tờ giấy có dòng kẻ, ghi số lô, số đề của Nguyễn Thị M được đánh số bút lục, là tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của M, cần lưu trong hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội "Đánh bạc".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị M cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 6.382.000đồng.

Tịch thu bán phát mại sung ngân sách Nhà nước 01 bàn nhựa, 02 ghế nhựa màu xanh đã cũ, 01 bút bi mực màu đen, 01 máy tính cầm tay nhãn hiệu Casio.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an huyện T với Chi cục Thi hành án dân sự T ngày 11/5/2023).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Thị M phải chịu 200.000đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện T;
- Chi cục THAHS huyện T;
- UBND nơi b/c cư trú;
- Lưu HS + THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thu Hạnh